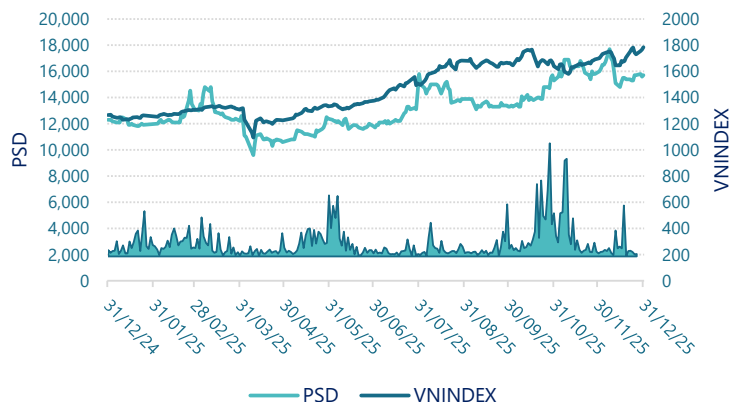


CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (HNX: PSD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,600
SL cổ phiếu LH	51,827,894
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200,135
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	814
P/E	5.7
EPS	2,761

DT thuần

Q4/25

2,376

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 161 | 7.3%

YoY: ▲ 1,038 | 77.6%

LN sau thuế

Q4/25

46.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.50 | 5.6%

YoY: ▲ 29.4 | 168%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.3%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

7,819

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,118 | 37.2%

LN sau thuế

2025

143

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.4 | 73.3%

ROE

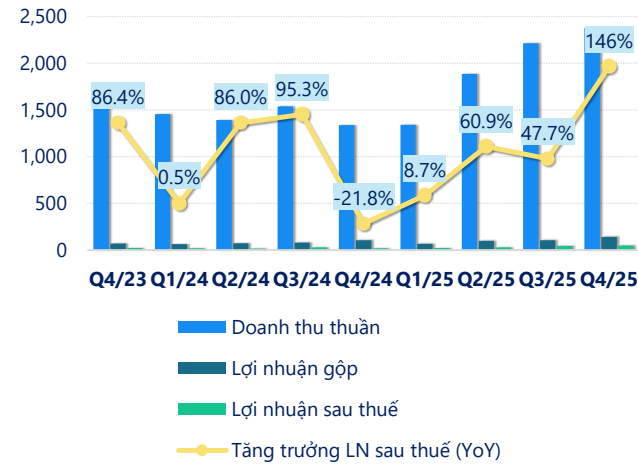
2025

22.1%

+/- YoY: ▲ 7.4%

tỷ VNĐ

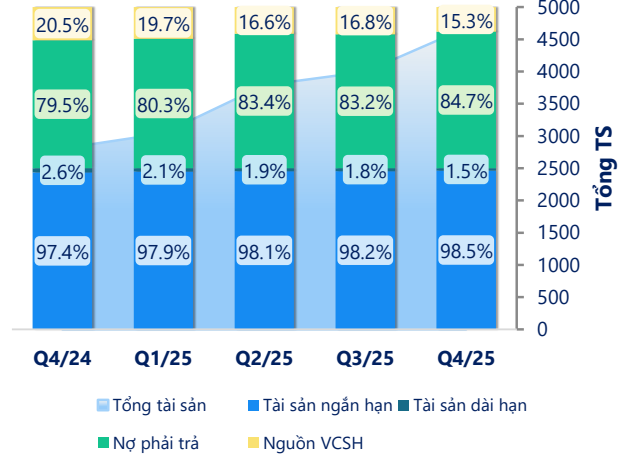
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

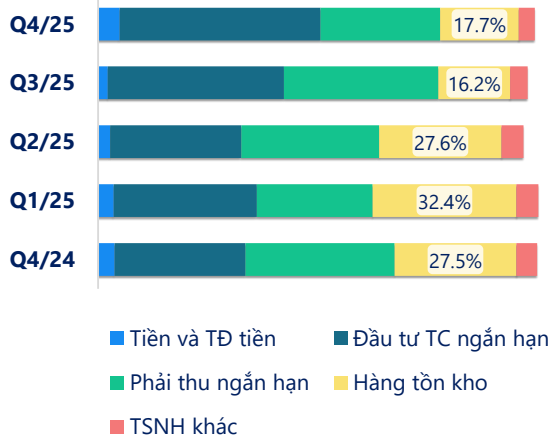
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



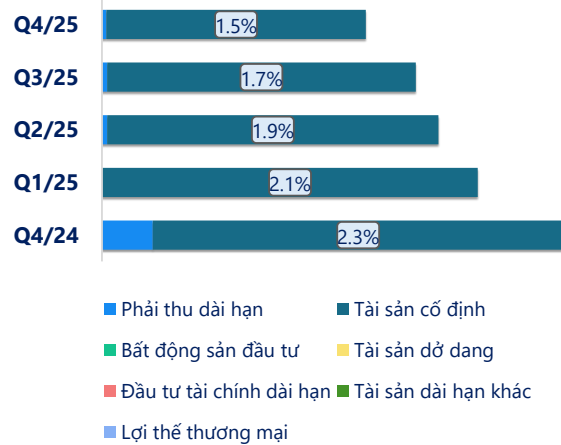
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

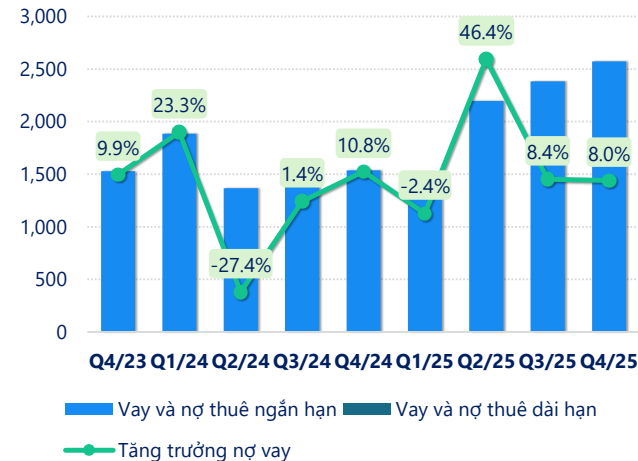
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

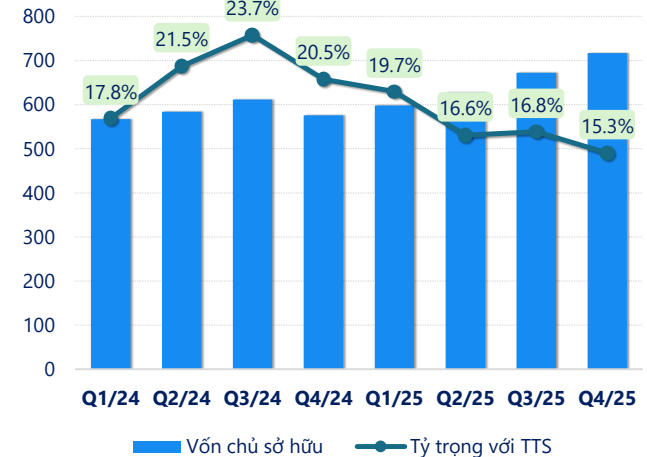
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

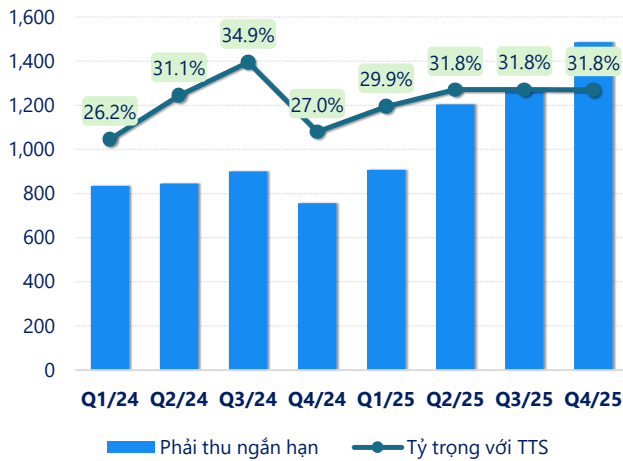
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



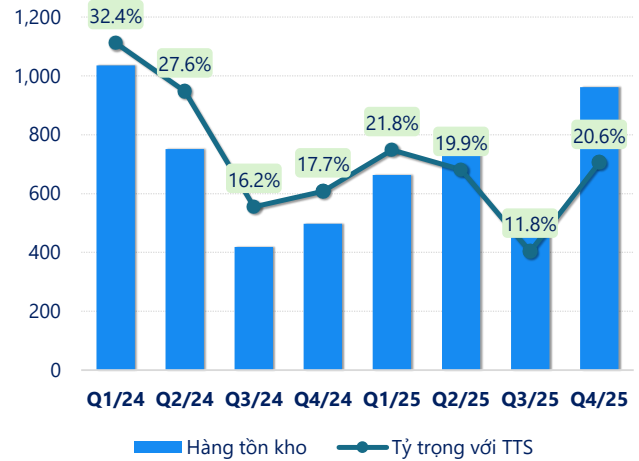
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


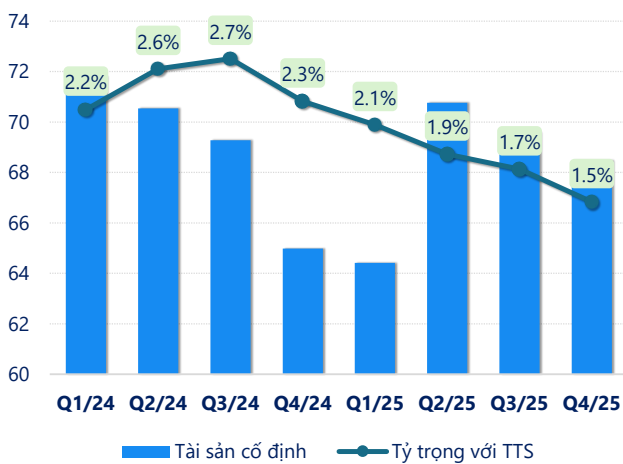
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


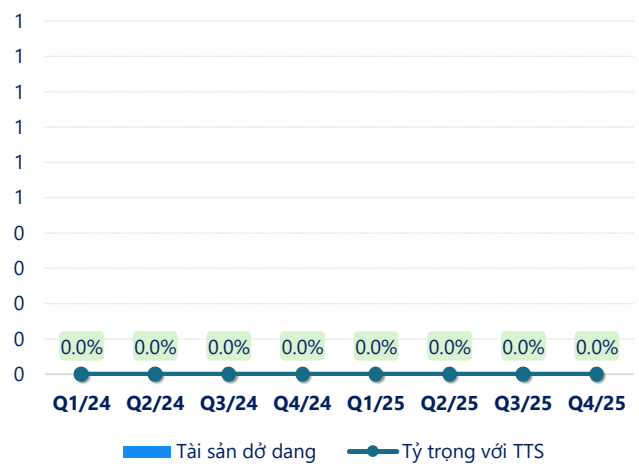
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

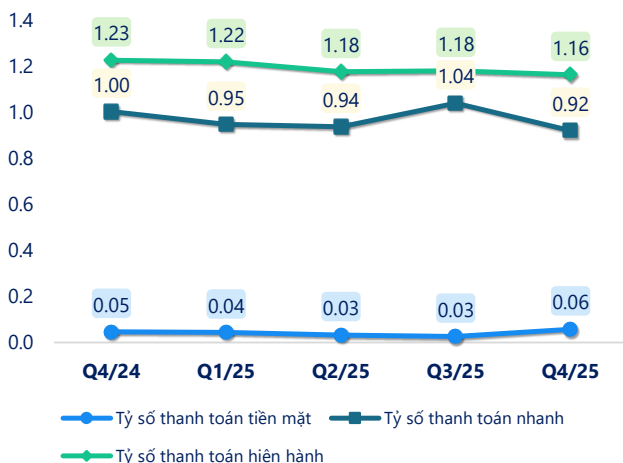
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,802	3,040	3,788	3,995	4,677
Tài sản ngắn hạn	2,729	2,976	3,716	3,924	4,608
Tiền và tương đương tiền	104	107	104	86.7	228
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,271	1,181	1,532	1,988	1,794
Phải thu ngắn hạn	756	908	1,204	1,271	1,485
Hàng tồn kho	497	663	752	470	961
Tài sản ngắn hạn khác	101	117	124	110	139
Tài sản dài hạn	73.0	64.5	71.9	70.7	69.6
Phải thu dài hạn	8.02	0.05	1.15	1.15	1.15
Tài sản cố định	65.0	64.4	70.8	69.6	68.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,227	2,442	3,160	3,323	3,961
Nợ ngắn hạn	2,224	2,440	3,158	3,321	3,959
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,538	1,500	2,197	2,382	2,572
Phải trả người bán ngắn hạn	389	577	705	637	1,044
Nợ dài hạn	2.28	2.18	1.96	1.85	1.74
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	576	598	628	672	717
Vốn chủ sở hữu	576	598	628	672	717
Vốn điều lệ	518	518	518	518	518
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)